| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**M PHỐ HỒ CHÍ M** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 256/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2025
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN M PHỐ HỒ CHÍ M**

***- M phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

2/ Ông Trần Văn Triều

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân M phố Hồ Chí M.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân M phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3179/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1986
Địa chỉ: 117/4 An Bình, Phường P, Quận L, Thành phố H

*Bị đơn:* Ông Lương Cẩm M, sinh năm 1973

Địa chỉ: 23 Beaver St, #3 Worcester MA 01603, Hoa Kỳ.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án):* Ông Ca Văn R, sinh năm 1989, địa chỉ: 345/27 đường Âu Cơ, phường P, quận T, Thành phố H (theo văn bản ủy quyền được Lãnh Sự quán Việt Nam tại New York chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số chứng thực: 87.05/2025 ngày 09/5/2025).

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Bà và ông Lương Cẩm M kết hôn năm 2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2023 do Ủy ban nhân dân thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận, cấp ngày 01/03/2023.

Sau khi kết hôn hai bên không chung sống cùng nhau do ông M phải quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, thời gian đầu hai bên có liên lạc với nhau bình thường, đến đầu năm 2024 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông M thường sử dụng nhiều từ ngữ không đúng, gây tổn thương tình cảm vợ chồng, bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông M không thay đổi. Mặt khác, do hai bên

không chung sống với nhau nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc và vun vén hạnh phúc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lương Cẩm M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai của ông Lương Cẩm M được Lãnh sự quán Việt Nam tại New York chứng thực hợp pháp hóa lãnh sự số 87.05/2025 ngày 09/5/2025 trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Phương T kết hôn năm 2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2023 do Ủy ban nhân dân thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận, cấp ngày 01/03/2023.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng ông thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị Phương T. Ông được biết bà Nguyễn Thị Phương T đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân M phố Hồ Chí M. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương T ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T, bị đơn ông Lương Cẩm M đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T đang cư trú tại M phố Hồ Chí M có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Lương Cẩm M đang cư trú tại Hoa Kỳ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân M phố Hồ Chí M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T, bị đơn ông Lương Cẩm M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lương Cẩm M có đăng ký kết hôn vào năm 2023, theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2023 do Ủy ban nhân dân thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận, cấp ngày 01/03/2023 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lương Cẩm M trình bày:

Sau khi kết hôn hai bên không chung sống cùng nhau do ông M phải quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, thời gian đầu hai bên có liên lạc với nhau bình thường, đến đầu năm 2024 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông M thường sử dụng nhiều từ ngữ không đúng, gây tổn thương tình cảm vợ chồng, bà T đã nhiều lần góp ý nhưng ông M không thay đổi. Mặt khác, do hai bên không chung sống với nhau nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc và vun vén hạnh phúc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, bà Nguyễn Thị Phương T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn nên có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lương Cẩm M. Về phía ông Lương Cẩm M có bản tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương T.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lương Cẩm M đã không còn chung sống với nhau, tình cảm phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Phương T xin ly hôn và ông Lương Cẩm M đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lương Cẩm M đều xác định không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: Do thuận tình ly hôn nên đương sự phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lương Cẩm M được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lương Cẩm M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí và thi hành án: Thi hành án dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chịu. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương T án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0070330 ngày 08/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí M.

3. Bà Nguyễn Thị Phương T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, ông Lương Cẩm M được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Phương**